

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HSST.

Ngày: 26/01/2024.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH P**

**- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Yên*

*Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh P.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thắm - Kiểm sát viên*

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm Công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2023/TLST - HS ngày 12 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn số: 03/2022/QĐXXST - HS ngày 21 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nông Thị T; Giới tính: Nữ. Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 04/5/1964 tại huyện L, tỉnh L; Nơi cư trú: khu 6 xã H, huyện H, tỉnh P; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/10; Bố đẻ: Nông Văn T (đã chết); Mẹ đẻ: Hoàng Thị P (đã chết); Chồng: Tạ Công V sinh năm 1957 hiện ở xã H, huyện H, tỉnh P; Con: Có 02 con (lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1993); Anh chị em ruột: Có 04 người, bị cáo là thứ tư;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 15/12/2023 đến ngày 18/12/2023. Hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Hương Xạ, huyện H, tỉnh P.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan:

Anh Vũ Văn L, Sinh năm 1964;

Địa chỉ: Khu 6, xã H, huyện H, tỉnh P (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 45 phút ngày 15/12/2023 tại nhà ở của Nông Thị T, sinh năm 1964 ở khu 6 xã H, huyện H, tỉnh P, Đội cảnh sát hình sự - Công an huyện H bắt quả tang T có hành vi đánh bạc dưới hình thức bán số lô, số đề cho Tạ Văn L, sinh năm 1992 ở khu 5 xã H, huyện H và Vũ Văn L, sinh năm 1964 ở khu 6 xã H, huyện H. Thu giữ số tiền 4.795.000 đồng, 02 cặp đề, 01 điện thoại di động hiệu OPPO lắp sim số 0336.691.492, 01 bút bi mực màu đen. Ngay sau đó, L giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 220.000 đồng cùng 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo lắp sim số 0354.276.139.

Cùng ngày, Cơ quan CSĐT T hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nông Thị T. Quá trình khám xét thu giữ: 01 tờ giấy cú ghi Các chữ, số tự nhiên bằng bút bi mực màu đen trên mặt bàn gỗ trong phòng ngủ của T. T khai đó là bảng đề của T ghi bán ngày 14/12/2023.

Ngày 18/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện H khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị cáo đối với Nông Thị T về tội “Đánh bạc” quy định tại Khoản 1 Điều 321 BLHS đồng thời làm rõ nội dung vụ án như sau:

Từ đầu tháng 12/2023, T bắt đầu đánh bạc dưới hình thức bán số lô, số đề đề kiếm lời. Hình thức chơi như sau: Nếu người chơi mua số đề thì lấy hai chữ số cuối của giải đặc biệt kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng vào lúc 18h30 phút hàng ngày làm căn cứ trả thưởng. Khi có kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc, nếu số đề của người mua trùng với hai chữ số cuối của giải đặc biệt được Công bố thì người mua được T trả tiền gấp 70 lần số tiền họ bỏ ra để mua số đề đó. Nếu người chơi mua số lô thì tính theo điểm, một điểm lụ bằng 23.000đ, nếu số lô trùng với hai số cuối của tất cả Các giải xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng trong ngày thì người mua số lô được T trả 80.000 đồng trên một điểm lụ.

Khoảng 17 giờ 20 phút ngày 15/12/2023, khi T đang ở nhà thì cú Tạ Văn L đến hỏi mua Các số lô, số đề. T đồng ý bán và dẫn L vào buồng ngủ rồi lấy 01 tờ giấy cú dưng kẻ ngang để ghi bán số lô, số đề cho L. Đúng lúc này Vũ Văn L gọi từ số 0354.276.139 đến số điện thoại 0336.691.492 của T để mua Các số lô, đề gồm: đề 36, 60, 08, 85, 29, 92 mỗi số 10.000 đồng, dãy 03 gồm Các số 03, 30, 35, 53, 08, 80, 58, 85 = 120.000 đồng, dãy 27 gồm Các số 27, 72, 22, 77 = 40.000 đồng, tổng số tiền L mua Các số lô, đề là 220.000 đồng. T vừa nghe điện thoại vừa ghi Các số lô, đề bán cho L vào 01 tờ giấy kẻ ngang. Sau khi tắt máy, T ghi bán Các số lô, đề bán cho L vào 01 nửa tờ giấy kẻ ngang gồm Các số: lô 78 = 100 điểm, lô 87 = 50 điểm, lô 26 = 10 điểm, lô 62 = 5 điểm, đề 77, 11, 62 mỗi số 20.000 đồng, tổng kếp = 400.000 đồng. Tổng số tiền L mua số lô, đề của T là 4.795.000 đồng. Khi L vừa thanh toán tiền cho T xong thì bị tổ Công tác – Công an huyện H phát hiện bắt quả tang. Lúc này, L cùng vừa đến nhà để trả tiền cho T nhưng chưa kịp đưa.

Ngoài ra, T cũn khai nhận ngày 14/12/2023, T đó bán số lô, đề cho L, L. Cụ thể như sau:

Khoảng hơn 17 giờ ngày 14/12/2023, khi T đang ở nhà thì Vũ Văn L, Tạ Văn L đến và hỏi mua số lô, đề, T đồng ý bán, lấy 01 tờ giấy học sinh cú dưng kẻ

ngang đề ghi Các số lô, số đề. Sau đó T ghi bán cho L số lô 77 = 10 điểm, 55 = 10 điểm, số đề 01, 10 mỗi số 100.000 đồng, đề 58, 85, 37, 73, 04, 40, 28, 82, 03, 30 mỗi số 20.000 đồng. Tổng số tiền L mua số lô, số đề của T là 860.000 đồng. Sau đó, L hỏi mua của T số lô 36, 63, 72, 28 mỗi số 15 điểm, lụ 09, 90 mỗi số 5 điểm, dây 03 = 240.000 đồng, dây 14 = 240.000 đồng. T ghi Các số lô, đề đó bán cho L vào bảng đề vừa ghi bán cho L trước đó. Tổng số tiền L mua số lô, số đề của T là 2.090.000 đồng. Sau khi thanh toán tiền cho T thì L, L ra về. Sau đó, T tự ghi vào bảng đề đó ghi bán cho L, L Các số gồm: tổng kép 180.000 đồng, dây 03 = 80.000 đồng, dây 34 = 80.000 đồng, dây 14 = 40.000 đồng, dây 12 = 40.000 đồng, đề 92 = 10.000 đồng, đề 29, 97, 79 mỗi số 5.000 đồng. Tổng bảng đề ngày 14/12/2023 là 3.395.000 đồng, L và L đã trả tiền cho T. Sau khi có kết quả số xổ kiến thiết miền Bắc ngày 14/12/2023 xác định L trúng số lô 77 = 10 điểm x 80.000/1 điểm = 800.000 đồng, L trúng số lô 36 = 15 điểm x 80.000 đồng/1 điểm = 1.200.000 đồng. T đã trả tiền cho L, L.

Tại Cơ quan điều tra, T khai vào khoảng đầu tháng 12/2023, Vũ Ngọc Sáng, sinh năm 1965 ở khu 3 xã H, huyện Hđặt vấn đề T làm thư ký đề cho Sáng. Khoảng 18 giờ hàng ngày, Sáng sẽ đến nhà sao chộp bảng đề của T, cả hai sẽ thanh toán thẳng thua vào ngày hôm sau. T được hưởng 1.000 đồng/1 điểm lụ và 20% trên tổng số tiền đề bán được. Trước khi bị bắt, T đó bán số lô, số đề cho nhiều người nhưng Không xác định được cụ thể đó bán cho ai, được bao nhiêu tiền do Các bảng đề trước đó T đó đốt hết. Cơ quan điều tra đó T hành triệu tập Sáng đến làm việc nhưng Sáng không thừa nhận việc thu mua bảng đề của T như T khai.

Như vậy, hành vi tự ghi Các số lô, số đề của T với tổng số tiền là 445.000 đồng vào bảng đề rồi chuyển cho Sáng, ngoài lời khai của T Không có tài liệu nào khác chứng minh việc Sáng thu bảng đề của T Nên Không xử lý đối với hành vi T tự ghi số lô, số đề. Do vậy, xác định tổng số tiền mà T ghi bán số lô, số đề ngày 14/12/2023 là 4.950.000 đồng.

Ngày 19/12/2023, T giao nộp số tiền 2.950.000 đồng, L giao nộp số tiền 800.000 đồng, L giao nộp số tiền 1.200.000 đồng cho Cơ quan điều tra. Đây là số tiền các đối tượng đánh bạc ngày 14/12/2023.

*Vật chứng của vụ án gồm:* Số tiền 9.965.000 đồng là tiền bị cáo và các đối tượng sử dụng để đánh bạc ngày 14, 15/12/2023; 01 chiếc bút bi mực màu đen, 01 điện thoại di động hiệu OPPO lắp sim số 0336.691.492 của T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo lắp sim số 0354.276.139 của L, đây là các công cụ các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc.

*Về điều kiện kinh tế:* Bị cáo Không có nghề nghiệp ổn định. Tài sản chung vợ chồng gồm có: 01 thửa đất diện tích 172m<sup>2</sup>, trên đất cú 01 nhà xây cùng Các vật dụng dùng trong sinh hoạt hàng ngày. Bị cáo Không có tài sản riêng có giá trị.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đó truy tố. Bị cáo biết rừ hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện Vì động cơ vụ L.

Tại Quyết định đề nghị truy tố theo thủ tục rút gọn số 03/QĐ - VKSHH ngày 12/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh P đó truy tố đối với Nông Thị T về tội "Đánh bạc. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh P giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nông Thị T phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử phạt: Bị cáo Nông Thị T từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng cải tạo Không giam giữ (CTKGG), được khấu trừ 03 (ba) ngày tạm giữ (từ ngày 15/12/2023 đến ngày 18/12/2023) quy đổi T 09 (chín) ngày CTKGG. Bị cáo còn phải chấp hành từ 14 (mười bốn) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày đến 17 (mười bảy) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày CTKGG. Thời hạn cải tạo Không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện H nhận được quyết định thi hành án. Giao bị cáo UBND xã H, huyện H, tỉnh P giám sát, giáo dục Các bị cáo trong thời gian CTKGG.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về khấu trừ thu nhập: Miễn áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nông Thị T

Buộc bị cáo Nông Thị T phải thực hiện một số Công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng Không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần theo quy định tại Điều 36 BLHS. Người bị kết án cải tạo Không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 9.965.000 đồng (chín triệu chín trăm sáu lăm nghìn đồng) là tiền bị cáo và các đối tượng dùng vào việc đánh bạc ngày 14 và 15/12/2023.

- Tịch thu tiêu hủy đối với 01 chiếc bút bi mực màu đen đã cũ, đã qua sử dụng là Công cụ dùng vào việc ghi số lô số đề và sim số 0336.691.492 của bị cáo T, sim số 0354.276.139 của L không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu sung Công quỹ Nhà nước 1 điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ, có số IMEL1: 861570043113299, đã cũ, đã qua sử dụng của T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo màu xám có số IMEL: 865652057889612, đã cũ, đã qua sử dụng của L. Đây là Các Công cụ sử dụng vào việc đánh bạc.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Quyết định truy tố đã nêu. Bị cáo không tranh luận gì về tội danh, mức hình phạt.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào Các tài liệu trong hồ sơ vụ án đó được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng:

Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên - Công an huyện H, Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện H trong quá trình điều tra, truy tố đó thực hiện đúng về thẩm quyền, Trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Các quyết định tố tụng của các cơ quan T hành tố tụng đó được tổng Đ cho bị cáo đúng thời hạn do pháp luật quy định. Bị cáo Không có ý kiến hoặc khiếu nại gì.

[2]. Về nội dung:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người làm chứng và Các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Hồi 17 giờ 45 phút ngày 15/12/2023 tại nhà ở của Nông Thị T, sinh năm 1964 ở khu 6 xã H, huyện H, tỉnh P, T đó thực hiện hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức bán số lô, số đề cho Tạ Văn L, sinh năm 1992 ở khu 5 xã H, huyện H với số tiền là 4.795.000 đồng, bán cho Vũ Văn L, sinh năm 1964 ở khu 6 xã H, huyện H với số tiền là 220.000 đồng. Tổng số tiền T đánh bạc ngày 15/12/2023 là 5.015.000 đồng (Năm triệu không trăm mười lăm nghìn đồng).

Do vậy, hành vi của bị cáo Nông Thị T lần này đã phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

#### **Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định:**

*1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đó bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đó bị kết án về tội này hoặc tội quy*

*định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà cũn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo Không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”*

[3]. Về tính chất, động cơ, mục đích của hành vi phạm tội:

- Về tính chất hành vi, động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo: Bản thân bị cáo là người đó trưởng T, có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ nhận thức được đánh bạc là hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, với lỗi cố ý trực tiếp, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm tù, thuộc loại tội ít nghiêm trọng. Nhưng Vì động cơ, mục đích vụ L, muốn kiếm tiền nhanh chóng mà không mất nhiều sức lao động Nên bị cáo và một số người khác đó thực hiện hành vi đánh bạc Công khai, điều đó thể hiện sự ngang nhiên, coi thường pháp luật. Hành vi của bị cáo xâm phạm trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội, gây mất trật tự trị an ở địa phương, làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, ảnh hưởng đến kinh tế và hạnh phúc gia Đình. Vì vậy, cần xử lý nghiêm để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Tuy nhiên trước khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHH) đối với bị cáo.

[4]. Về Nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1]. Về Nhân thân: Bị cáo nhân thân chưa từng có Tiền án tiền sự.

[4.2]. Về tình tiết tăng nặng TNHH: Bị cáo Không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4.3]. Về tình tiết giảm nhẹ TNHH: Trong quáTrình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đó T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc loại tội ít nghiêm trọng. Chồng bị cáo là thương, bệnh binh cú Công với Nhà nước. Nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt:

[5.1]. Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, không cần Cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ giáo dục bị cáo, để bị cáo cải tạo, tu dưỡng, rèn luyện trở T người Công Dân tốt, có ích cho gia Đình, xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[5.2]. Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự thì bị cáo có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đến 50 triệu đồng và theo khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự bị cáo bị khấu trừ một phần thu nhập từ 0,5% đến 20 % để sung quỹ nhà nước. Xét thấy, bị cáo gia đình

hoàn cảnh khó khăn, bản thân làm ruộng, không có thu nhập ổn định, chồng là thương bệnh binh và một con bị tàn tật được trợ cấp xã hội Nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập cho bị cáo

[6]. Về xử lý vật chứng:

- Cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 9.965.000 đồng là tiền bị cáo và các đối tượng dùng vào việc đánh bạc ngày 14 và 15/12/2023.

- Cần tịch thu tiêu hủy đối với 01 chiếc bút bi mực màu đen đã cũ, đã qua sử dụng là Công cụ dùng vào việc ghi số lô số đề và sim số 0336.691.492 của bị cáo T, sim số 0354.276.139 của L Không còn giá trị sử dụng.

- Cần tịch thu sung Công quỹ Nhà nước 1 điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ, có số IMEL1: 861570043113299, đã cũ, đã qua sử dụng của T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo màu xám có số IMEL: 865652057889612, đã cũ, đã qua sử dụng của L, đây là các công cụ sử dụng vào việc đánh bạc.

[7]. Về án phí: Bị cáo Nông Thị T phải chịu Tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Các vấn đề khác:

Đối với hành vi đánh bạc ngày 14/12/2023 của Nông Thị T, do số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng, bản thân T chưa có Tiền án, tiền sự về tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gò bạc Nên Công an huyện H không xử lý hình sự đối với T là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Vũ Văn L, Tạ Văn L là những người tham gia đánh bạc cùng bị cáo T ngày 14 và 15/12/2023. Do số tiền đánh bạc của từng ngày đều dưới 5.000.000 đồng, bản thân L, L đều chưa có Tiền án, tiền sự về tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gò bạc Nên Công an huyện H đã ra quyết định xử phạt hành chính là đúng quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Vũ Ngọc S Vì tài liệu chứng cứ không đủ cơ sở xác định S tham gia đánh bạc cùng bị cáo T là phù hợp.

[9]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H thực hành quyền Công tố tại phiên tòa đề xuất về hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

*Vì Các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Điểm b khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 01/2023/TTLT - BCA - BQP - TANDTC - VKSNDTC ngày 18/01/2023 quy định việc phối hợp trong thực hiện một số quy định của Luật thi hành án hình sự về thi hành án hình sự tại cộng đồng.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Thị T phạm tội “Đánh bạc”.

## 2. Về hình phạt:

- Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nông Thị T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ (CTKGG), được khấu trừ 03 (ba) ngày tạm giữ (từ ngày 15/12/2023 đến ngày 18/12/2023) quy đổi hành 09 (chín) ngày CTKGG. Bị cáo còn phải chấp hành 17 (mười bảy) tháng 21 (hai mươi một) ngày CTKGG. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện H nhận được Quyết định thi hành án. Giao bị cáo UBND xã H, huyện H, tỉnh P giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian CTKGG.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

## 3. Về khấu trừ thu nhập: Miễn áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nông Thị T

Buộc bị cáo Nông Thị T phải thực hiện một số Công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo Không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng Không quá 04 giờ trong một ngày và Không quá 05 ngày trong 01 tuần theo quy định tại Điều 36 BLHS. Người bị kết án cải tạo Không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

## 4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 9.965.000 đồng (chín triệu chín trăm sáu lăm nghìn đồng) là tiền bị cáo và các đối tượng dùng vào việc đánh bạc ngày 14 và 15/12/2023.

- Tịch thu tiêu hủy đối với 01 chiếc bút bi mực màu đen đã cũ, đã qua sử dụng là công cụ dùng vào việc ghi số lô số đề và sim số 0336.691.492 của bị cáo T, sim số 0354.276.139 của L Không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu sung Công quỹ Nhà nước 1 điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ, có số IMEL1: 861570043113299, đã cũ, đã qua sử dụng của T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo màu xám có số IMEL: 865652057889612, đã cũ, đã qua sử dụng của L.

(Theo bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 15/01/2024 tại Trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh P)

## 5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nông Thị T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) Tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tuyên án, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh P để đề nghị xét xử phúc thẩm. Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh P để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.



***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh P;
- VKSND tỉnh P;
- VKSND huyện H;
- CA huyện H;
- Sở Tư Pháp tỉnh P;
- Chi cục THA huyện H;
- UBND nơi b/c cư trú;
- Bị cáo;
- Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu AV, HS.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Đình Yên**



















**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
T PHỐ VIỆT TRÌ  
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 54/2018/TB -TA

*Việt Trì ngày 04 tháng 5 năm 2018*

**THÔNG BÁO**

**KẾT QUẢ XÉT XỬ HÌNH SỰ**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN T PHỐ VIỆT TRÌ - TỈNH P**

- Căn cứ vào Điều 229 của Bộ luật tố tụng hình sự;
- Căn cứ vào bản án hình sự sơ thẩm số: 54/2018/ HSST ngày 26 tháng 4 năm 2018 củ Toà án nhân dân T phố Việt Trì - tỉnh P.

***Thông báo cho UBND phường Vồn Phỳ, xã Thụy Vồn, T phố Việt Trì, tỉnh P, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh P biết kết quả xét xử vụ án hình sự sơ thẩm đối với Các bị cáo:***

Họ và tên: **1. Trần Thị Mụi**, sinh năm 1979 tại Yên Lập, P;

Nơi cư trú: khu 3, phường Vồn Phỳ, T phố Việt Tr, tỉnh P;

**2. Nguyễn Văn Dũng**, sinh năm 1983 tại Phù Ninh, P;

Nơi cư trú: Khu 6, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh P;

**3. Thỏi Thị Thanh**, sinh năm 1968 tại Hương Khê, Hà Tĩnh;

Nơi cư trú: Khu 1A, phường Vồn Phỳ, T phố Việt Trì, tỉnh P;

**4. Vũ Thị Thanh Hương**, sinh năm 1981 tại Đại Từ, T; Nơi cư trú: Đội 4, xã Thụy Vồn, T phố Việt Trì, tỉnh P;

**5. Dương Quốc Khỏi**, sinh năm 1976 tại Việt Trì, P;

Nơi cư trú: Khu 3, phường Vồn Phỳ, T phố Việt Trĩ, tỉnh P;

**1. Tuyên bố Các bị cáo Trần Thị Mụi, Nguyễn Văn Dũng, Vũ Thị Thanh Hường, Thỏi Thị Thanh, Dương Quốc Khỏnh phạm tội “Đánh bạc”;**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248, Điều 31, điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Mụi 15 (Mười lăm) tháng cải tạo Không giam giữ, được trừ 06 (Sáu) ngày tạm giữ từ ngày 30/12/2017 đến ngày 05/01/2018 = 18 (Mười tám) ngày, bị cáo còn phải chấp hành 14 tháng 12 ngày cải tạo Không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Vồn Phỳ, TP Việt Trĩ, tỉnh P nhận được bản án và Quyết định thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt Nguyễn Văn Dũng 04 (Bốn) tháng tù giam, trừ 06 (Sáu) ngày tạm giữ tạm giam từ ngày 30/12/2017 đến ngày 05/01/2018, bị cáo Dũng còn phải chấp hành 03 tháng 24 ngày tự. Thời hạn tự tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248, Điều 30, điểm h, p, s khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt Thỏi Thị Thanh: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung Công.

Đối với bị cáo Vũ Thị Thanh Hường và bị cáo Dương Quốc Khỏnh Căn cứ vào khoản 1 Điều 248, Điều 30, điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt tiền sung Công Các bị cáo số tiền như sau:

- Vũ Thị Thanh Hường: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)
- Dương Quốc Khỏnh: 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng)

*(Số tiền bị xử phạt Các bị cáo Thỏi Thị Thanh, Vũ Thị Thanh Hường Dương Quốc Khỏnh phải nộp một lần trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật*

Miễn hình phạt bổ sung cho Các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc mảnh tre; 01 bộ bài tú lơ kho 52 quân không có giá trị sử dụng;

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 5.200.000 đồng (Trong đó: Trần Thị Mụi: 1.350.000 đồng; Vũ Thị Thanh Hường: 1.700.000 đồng; Thỏi Thị Thanh:

450.000 đồng; Dương Quốc Khánh: 850.000 đồng; Nguyễn Văn Dũng: 850.000 đồng).(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/3/2018)

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc Các bị cáo Trần Thị Mụi, Vũ Thị Thanh Hương, Thỏi Thị Thanh, Nguyễn Văn Dũng, Dương Quốc Khánh mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) Tiền án phí hình sự sơ thẩm.

**Nơi nhận: TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ VIỆT TRÈ**

- UBND nơi các bị cáo cư trú

- Lưu hồ sơ vụ án.



